

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện
Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đến năm 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổng giám đốc Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia, Viện trưởng Viện Khoa học tài nguyên nước, Chánh văn phòng Ủy ban sông Mê Công Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, TC, XD, NNPTNT;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, TNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Lê Công Thành

KẾ HOẠCH CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Thực hiện Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 432/QĐ-TTg), trên cơ sở các nhiệm vụ được giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch thực hiện với các nội dung sau đây:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ điều tra cơ bản tài nguyên nước đảm bảo hiệu quả và phát huy được mọi nguồn lực để hoàn thành các mục tiêu đề ra trong Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước được phê duyệt tại Quyết định số 432/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã được phê duyệt Quyết định số 432/QĐ-TTg theo các giai đoạn cụ thể sau:

1. Giai đoạn đến năm 2025

a) Tiếp tục thực hiện các đề án, dự án điều tra cơ bản tài nguyên nước đã được phê duyệt;

b) Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ điều tra tài nguyên nước định kỳ thường xuyên (hỗ trợ kiểm tra việc thực hiện vận hành các hồ chứa, lập báo cáo sử dụng nước của các Bộ ngành, địa phương; cập nhật công bố dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu các hồ chứa thủy lợi, thủy điện);

c) Xây dựng và duy trì mạng quan trắc tài nguyên nước theo lộ trình đến năm 2025 (duy trì vận hành hệ thống mạng quan trắc tài nguyên nước hiện có và tiếp tục đầu tư xây dựng mới, nâng cấp đưa vào vận hành 31 trạm tài nguyên nước mặt và 197 điểm với 305 giếng quan trắc nước dưới đất);

d) Thực hiện điều tra, đánh giá, xác định và công bố dòng chảy tối thiểu; khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ và lập bản đồ phân vùng tiếp nhận nước thải của nguồn nước trên các sông liên tỉnh, liên quốc gia;

đ) Xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống theo dõi, giám sát tự động trực tuyến việc phối hợp vận hành của tất cả các hồ chứa theo quy trình vận hành liên

hồ chứa trên 11 lưu vực sông và hệ thống theo dõi, giám sát tự động trực tuyến các hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước thống nhất toàn quốc, bao gồm cả Trung ương và địa phương;

e) Xây dựng và duy trì hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia đảm bảo kết nối liên thông giữa các Bộ, ngành và địa phương;

g) Tổ chức thực hiện kiểm kê tài nguyên nước quốc gia giai đoạn đến năm 2025 triển khai theo Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kèm theo Quyết định số 1383/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2021;

h) Lập báo cáo tài nguyên nước quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

i) Lập báo cáo sử dụng nước của các Bộ, ngành, địa phương hằng năm theo quy định;

k) Thực hiện điều tra, đánh giá tổng hợp tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1:100.000 lãnh thổ Việt Nam;

l) Thực hiện điều tra, tìm kiếm phát hiện nguồn nước dưới đất gắn với phục vụ cấp nước sinh hoạt cho các thôn, xã đặc biệt khó khăn và khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, các đảo lớn, quan trọng, các vùng biên giới, vùng dân tộc thiểu số khan hiếm nước, thiếu nước sinh hoạt;

m) Thực hiện việc đánh giá, xác định, cập nhật định kỳ các đặc trưng cơ bản của tài nguyên nước mặt, ưu tiên thực hiện đối với các nguồn nước liên tỉnh có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của lưu vực, vùng kinh tế;

n) Thực hiện việc điều tra, thống kê tổng lượng nước trữ được vào cuối mùa lũ đầu mùa cạn hằng năm của các hồ chứa có khả năng điều tiết (điều tiết mùa, năm, nhiều năm), có dung tích từ 3,0 triệu m³ trở lên, các hồ thuộc Danh mục nguồn nước liên tỉnh;

o) Cập nhật, công bố dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu các hồ chứa thủy điện, thủy lợi có quy mô khai thác, sử dụng nước thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định;

p) Dự án sửa đổi, bổ sung Luật Tài nguyên nước và các văn bản quy phạm pháp luật tài nguyên nước;

q) Xây dựng và hoàn thiện các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy định hồ sơ sản phẩm hoạt động điều tra cơ bản; đầu tư nghiên cứu lựa chọn phương pháp, thiết bị mô hình, công cụ kỹ thuật tiên tiến hiện đại phục vụ công tác điều tra cơ bản tài nguyên nước.

2. Giai đoạn 2026 - 2030

a) Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ điều tra cơ bản tài nguyên nước đã được phê duyệt trong giai đoạn đến năm 2025 nhưng chưa hoàn thành và các nhiệm vụ điều tra tài nguyên nước định kỳ thường xuyên;

b) Xây dựng và duy trì mạng quan trắc tài nguyên nước theo lộ trình đến năm 2030 (duy trì vận hành hệ thống mạng quan trắc tài nguyên nước hiện có và

tiếp tục đầu tư xây dựng mới, nâng cấp đưa vào vận hành 60 trạm tài nguyên nước mặt và 60 điểm với 89 giếng quan trắc nước dưới đất);

c) Xây dựng và duy trì hệ thống cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng và các tác hại khác do nước gây ra ở những vùng, khu vực đang chịu sự tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu và nước biển dâng;

d) Xây dựng và tổ chức thực hiện tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia giai đoạn đến năm 2030;

đ) Lập báo cáo tài nguyên nước quốc gia giai đoạn 2026 - 2030;

e) Lập báo cáo sử dụng nước của các Bộ, ngành, địa phương hằng năm theo quy định;

g) Thực hiện việc điều tra, đánh giá tổng hợp tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1:50.000 đến 1:25.000 đối với nguồn nước liên tỉnh ở những vùng, khu vực nước dưới đất có tiềm năng lớn, là đối tượng khai thác chủ yếu để cấp nước cho sinh hoạt, các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, các đô thị, khu dân cư tập trung;

h) Thực hiện điều tra, đánh giá, xác định và công bố dòng chảy tối thiểu; khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ và lập bản đồ phân vùng tiếp nhận nước thải của nguồn nước trên các lưu vực sông còn lại.

3. Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ theo các giai đoạn, nếu phát sinh các yêu cầu cấp bách về thông tin, số liệu để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn, Cục Quản lý tài nguyên nước phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng nội dung, nhiệm vụ điều tra cơ bản tài nguyên nước có tính chất đặc thù trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Danh mục các nhiệm vụ, dự án ưu tiên triển khai trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước tại các Phụ lục kèm theo Quyết định này.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ có trách nhiệm

- Tiếp tục thực hiện các đề án, dự án điều tra cơ bản tài nguyên nước đã được phê duyệt và tổng kết đánh giá khi kết thúc quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này.

- Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án ưu tiên thực hiện quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Cục Quản lý tài nguyên nước xây dựng kế hoạch vốn trung hạn và hằng năm, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp, phân bổ nguồn vốn thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với Cục Quản lý tài nguyên nước và các đơn vị trực thuộc Bộ thẩm định danh mục, đề cương phê duyệt nhiệm vụ, đề án, dự án điều

tra cơ bản tài nguyên nước theo Kế hoạch thực hiện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ phân bổ các nguồn vốn theo Kế hoạch và đôn đốc, giám sát, đánh giá trong quá trình thực hiện.

3. Vụ Hợp tác quốc tế

Chủ trì, phối hợp với Cục Quản lý tài nguyên nước và các đơn vị liên quan xây dựng các Chương trình, đề án, dự án hỗ trợ của các tổ chức Quốc tế, tổ chức phi Chính phủ,... để thực hiện các nhiệm vụ điều tra cơ bản tài nguyên nước nhằm đảm bảo đạt được mục tiêu của Quy hoạch, kế hoạch đã đề ra.

4. Vụ Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thiện các quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, sản phẩm điều tra cơ bản tài nguyên nước; nghiên cứu, lựa chọn các phương pháp, thiết bị, mô hình, công cụ kỹ thuật tiên tiến, sử dụng có hiệu quả trong công tác điều tra cơ bản tài nguyên nước.

5. Cục Quản lý tài nguyên nước

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước đối với các nguồn nước liên quốc gia, nguồn nước liên tỉnh, lưu vực sông liên tỉnh.

b) Làm đầu mối phối hợp với các Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Xây dựng, Giao thông vận tải và các Bộ, cơ quan ngang Bộ để lập báo cáo và công bố tình hình sử dụng nước hàng năm của các Bộ, ngành, địa phương hàng năm theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan tham mưu cho Bộ trong việc đánh giá tiến độ, chất lượng, hiệu quả việc thực hiện Quy hoạch và xây dựng báo cáo Chính phủ định kỳ 05 năm một lần về tình hình thực hiện Quyết định số 432/QĐ-TTg theo yêu cầu.

d) Phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính thẩm định đề cương phê duyệt nhiệm vụ, đề án, dự án điều tra cơ bản tài nguyên nước theo Kế hoạch thực hiện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

PHỤ LỤC
TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN ƯU TIÊN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày /2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Nhóm nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	CÁC NHIỆM VỤ ĐANG THỰC HIỆN			
1.1	Điều tra, đánh giá sơ bộ tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1:50.000 vùng Bắc sông Tiền.	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương có liên quan	2011-2022
1.2	Điều tra, đánh giá tổng quan tài nguyên nước tỷ lệ 1:100.000 lưu vực sông Lô - Gâm.	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương có liên quan	2011-2022
1.3	Điều tra đánh giá sơ bộ tài nguyên nước tỷ lệ 1:50000 vành đai kinh tế ven biển vịnh Bắc Bộ.	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương có liên quan	2013-2022
1.4	Điều tra tìm kiếm nguồn nước dưới đất tại các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước thuộc Chương trình điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất để cung cấp nước sinh hoạt ở các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước.	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương có liên quan	2016-2023
1.5	Điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt các xã biên giới Việt - Lào từ Hà Tĩnh đến Kon Tum (Tỷ lệ 1/100.000).	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương có liên quan	2017-2022
1.6	Điều tra, đánh giá việc khai thác, sử dụng nước dưới đất, tác động đến sụt lún về mặt đất khu vực thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, đồng bằng sông Cửu Long, định hướng quản lý khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên nước dưới đất.	Cục Quản lý tài nguyên nước	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương có liên quan	2018-2022
1.7	Điều tra, đánh giá, lập bản đồ tài nguyên nước tỷ lệ 1:50.000 các vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương có liên quan	2019-2022
1.8	Điều tra đánh giá lập bản đồ tài nguyên nước và chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội lưu vực sông Cả.	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương có liên quan	2020-2022
1.9	Điều tra, thống kê và lập danh mục công trình khai thác, sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước trên các sông liên tỉnh vùng kinh tế	Cục Quản lý tài nguyên nước	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan	2021-2024

TT	Nhóm nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	trọng điểm miền Trung.			
1.10	Phân loại mức độ khan hiếm nước, thiếu nước và đề xuất áp dụng các biện pháp tích trữ nước, tiết kiệm nước, hạn chế khai thác, sử dụng nước theo từng cấp độ khan hiếm nước, thiếu nước.	Cục Quản lý tài nguyên nước	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia; Viện Khoa học tài nguyên nước	2022-2024
1.11	Điều tra, đánh giá và đề xuất mô hình quản lý tài nguyên nước, nhằm đổi mới công tác quản lý, bảo vệ, phòng chống tác hại do nước gây ra, đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia.	Cục Quản lý tài nguyên nước	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia; Viện Khoa học tài nguyên nước	2021-2025
1.12	Đánh giá sức chịu tải các sông liên tỉnh, liên quốc gia thuộc lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững.	Cục Quản lý tài nguyên nước	Tổng cục Môi trường Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương có liên quan	2021-2023
1.13	Đánh giá sức chịu tải các sông liên tỉnh, liên quốc gia thuộc lưu vực sông Ba và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững.	Cục Quản lý tài nguyên nước	Tổng cục Môi trường Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương có liên quan	2021-2023
1.14	Đánh giá sức chịu tải các sông liên tỉnh, liên quốc gia thuộc lưu vực sông Srêpôk và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững.	Cục Quản lý tài nguyên nước	Tổng cục Môi trường Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương có liên quan	2021-2023
1.15	Đánh giá sức chịu tải các sông liên tỉnh, liên quốc gia khu vực đồng bằng sông Cửu Long, đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững.	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Tổng cục Môi trường Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương có liên quan	2021-2023
1.16	Đánh giá sức chịu tải các sông liên tỉnh, liên quốc gia thuộc lưu vực sông Sê San và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững.	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Tổng cục Môi trường Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương có liên quan	2021-2022
1.17	Đánh giá sức chịu tải các sông liên tỉnh, liên quốc gia thuộc lưu vực sông Kôn - Hà Thanh và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững.	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Tổng cục Môi trường Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương có liên quan	2021-2023
1.18	Đánh giá sức chịu tải các sông liên tỉnh, liên quốc gia thuộc lưu vực sông Hồng - Thái Bình và đề xuất	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước	Tổng cục Môi trường; Sở Tài nguyên và Môi trường các địa	2021-2023

TT	Nhóm nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	giải pháp bảo vệ môi trường nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững.	quốc gia	phương có liên quan	
1.19	Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải các sông liên tỉnh, liên quốc gia thuộc khu vực Bắc Trung Bộ (11 sông: Mã, Chu, Bưởi, Yên, Cả, Ngàn Sâu, Gianh, Bến Hải, Hiếu, Ô Lâu và Hương). Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững.	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Tổng cục Môi trường; Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương có liên quan	2021-2023
1.20	Đánh giá sức chịu tải của môi trường nước mặt và xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng nước đối với một số lưu vực sông liên tỉnh đối với lưu vực sông Cầu, Đồng Nai và Nhuệ - Đáy	Tổng cục Môi trường	Cục Quản lý tài nguyên nước; Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương có liên quan	2021-2023
1.21	Đánh giá sức chịu tải các sông liên tỉnh, liên quốc gia thuộc lưu vực sông Trà Khúc và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững.	Viện Khoa học tài nguyên nước	Tổng cục Môi trường; Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương có liên quan	2021-2023
1.22	Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát việc vận hành của các hồ chứa thủy điện và hệ thống hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa thủy điện trên lưu vực sông Hồng - Thái Bình theo thời gian thực.	Cục Quản lý tài nguyên nước	Tổng cục Khí tượng Thủy văn; Viện Khoa học tài nguyên nước; Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương có liên quan	2021-2023
1.23	Xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống theo dõi, giám sát tự động trực tuyến việc phối hợp vận hành của tất cả các hồ chứa theo quy trình vận hành liên hồ chứa trên 11 lưu vực sông và hệ thống theo dõi, giám sát tự động trực tuyến các hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước thống nhất toàn quốc, bao gồm cả Trung ương và địa phương	Cục Quản lý tài nguyên nước	Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường; Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương	2019-2023
1.24	Đề án đảm bảo an ninh tài nguyên nước quốc gia.	Cục Quản lý tài nguyên nước	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia; Viện Khoa học tài nguyên nước	2021-2024
1.25	Tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025.	Cục Quản lý tài nguyên nước; Trung tâm Quy hoạch và Điều tra	Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương	2021-2025

TT	Nhóm nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
		tài nguyên nước quốc gia; Viện Khoa học tài nguyên nước		
1.26	Điều tra, đánh giá, lập bản đồ tài nguyên nước tỷ lệ 1:100.000 lãnh thổ Việt Nam.	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương	2021-2025
1.27	Đánh giá tình hình thực thi, công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về khai thác, sử dụng nước; BVTNN; phòng chống tác hại do nước gây ra; hiệu quả sử dụng nước, đề xuất các biện pháp cơ chế chính sách tăng cường quản lý, bảo vệ tài nguyên nước.	Cục Quản lý tài nguyên nước	Các cơ quan đơn vị liên quan	2021-2023
II	CÁC NHIỆM MỚI			
2.1	Duy trì mạng quan trắc tài nguyên nước hiện có theo lộ trình đến năm 2030.	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Tổng cục Khí tượng Thủy văn	Hàng năm
2.2	Đầu tư xây dựng mạng quan trắc tài nguyên nước Trung ương theo lộ trình đến năm 2030.	Cục Quản lý tài nguyên nước; Ban Quản lý đầu tư xây dựng	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	2021-2030
2.3	Duy trì hệ thống tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.	Cục Quản lý tài nguyên nước	Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường	2026-2030
2.4	Lập báo cáo tài nguyên nước quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.	Cục Quản lý tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương	2024-2025
2.5	Lập báo cáo sử dụng nước của các Bộ, ngành, địa phương hằng năm theo quy định	Cục Quản lý tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương có liên quan	Hàng năm
2.6	Thực hiện việc đánh giá, xác định, cập nhật định kỳ các đặc trưng cơ bản của tài nguyên nước mặt, ưu tiên thực hiện đối với các nguồn nước liên tỉnh có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của lưu vực, vùng kinh tế.	Cục Quản lý tài nguyên nước	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia; Viện Khoa học tài nguyên nước; Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương	2021-2024
2.7	Điều tra, thống kê tổng lượng nước trữ được vào cuối mùa lũ đầu mùa cạn hằng năm của các hồ chứa có khả năng điều tiết (điều tiết mùa, năm, nhiều năm), có dung tích từ 3,0 triệu m ³ trở lên, các hồ thuộc Danh mục nguồn nước liên tỉnh.	Cục Quản lý tài nguyên nước	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia; Viện Khoa học tài nguyên nước; Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương	2022-2025
2.8	Cập nhật, công bố dòng chảy tối	Cục Quản lý tài	Sở Tài nguyên và	Hàng năm

TT	Nhóm nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	thiếu ở hạ lưu các hồ chứa thủy điện, thủy lợi có quy mô khai thác, sử dụng nước thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định.	nguyên nước	Môi trường các địa phương có liên quan	
2.9	Điều tra, đánh giá tổng hợp tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1:50.000 khu vực Tây Nguyên; đồng bằng sông Hồng, Nam sông Hậu.	Cục Quản lý tài nguyên nước; Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương có liên quan	2026-2030
2.10	Đánh giá sức chịu tải các sông liên tỉnh, liên quốc gia thuộc lưu vực sông Vũ Gia - Thu Bồn và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững.	Tổng cục Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương có liên quan	2026-2030
2.11	Đánh giá sức chịu tải các sông liên tỉnh, liên quốc gia thuộc nhóm các sông Quảng Ninh và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững.	Cục Quản lý tài nguyên nước; Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Tổng cục Môi trường; Viện Khoa học tài nguyên nước; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh	2026-2030
2.12	Đánh giá sức chịu tải các sông liên tỉnh, liên quốc gia thuộc nhóm các sông vùng Đông Nam Bộ và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững.	Cục Quản lý tài nguyên nước; Viện Khoa học tài nguyên nước	Tổng cục Môi trường; Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia; Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương có liên quan	2026-2030
2.13	Tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2030.	Cục Quản lý tài nguyên nước; Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia; Viện Khoa học tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương	2029-2030